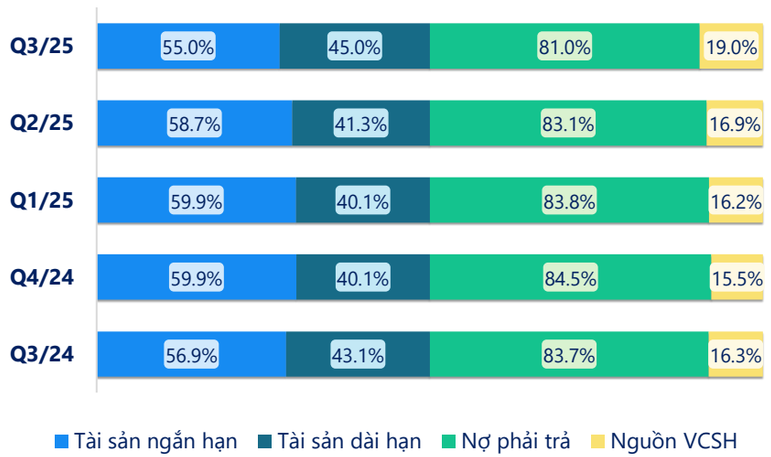
FireAnt

CTCP Dệt - May Nha Trang (UPCOM: NTT)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	10,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,900
SL cổ phiếu LH	23,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	320
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	235
P/E	6.5
EPS	1,536

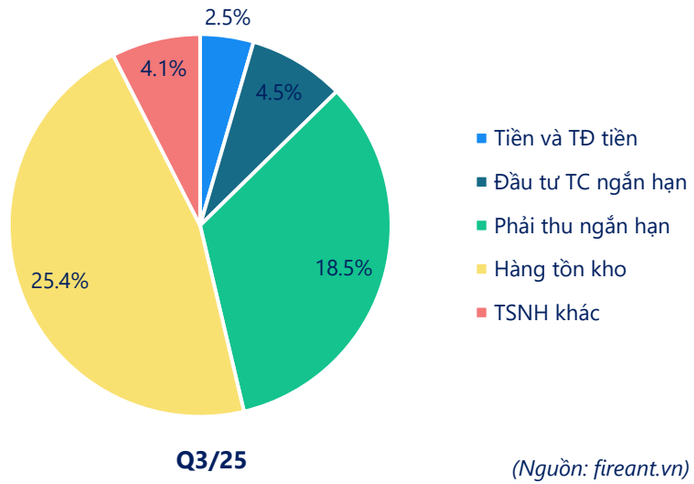
	YTD	1T	3T	6T
NTT	11.1%	9.9%	29.9%	3.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



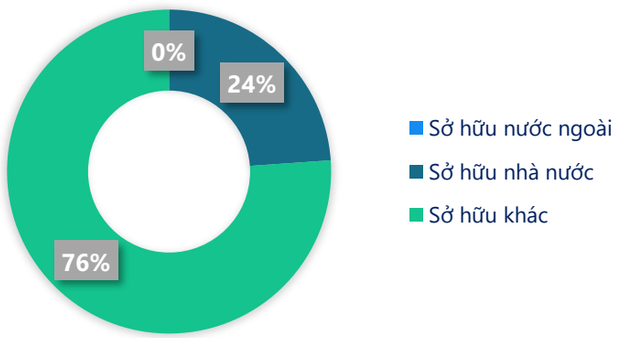
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



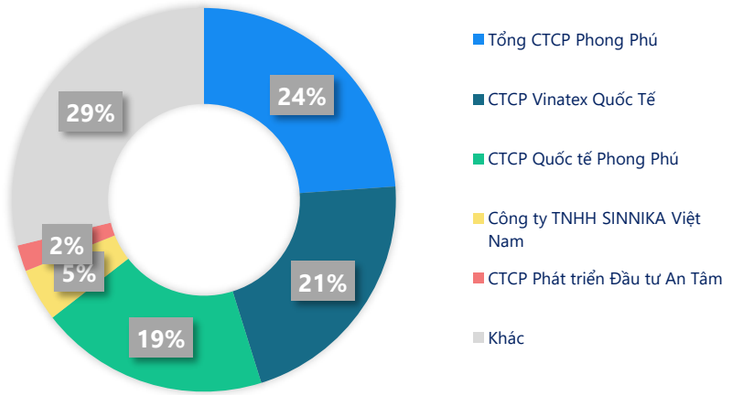
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



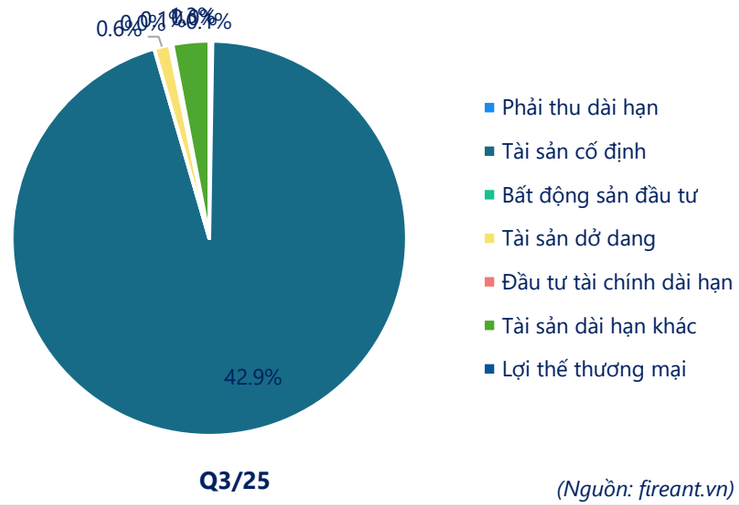
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

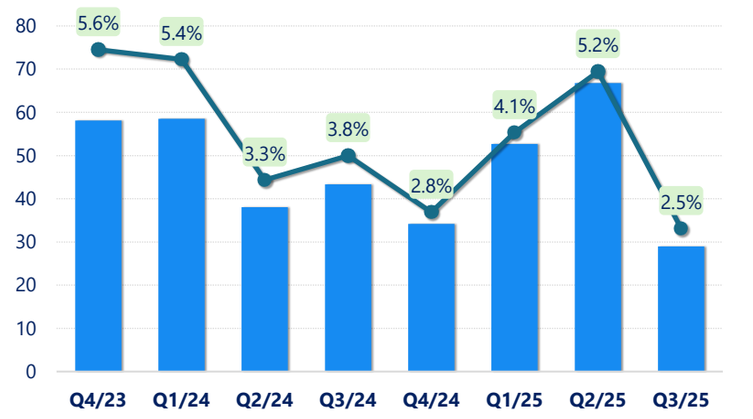


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

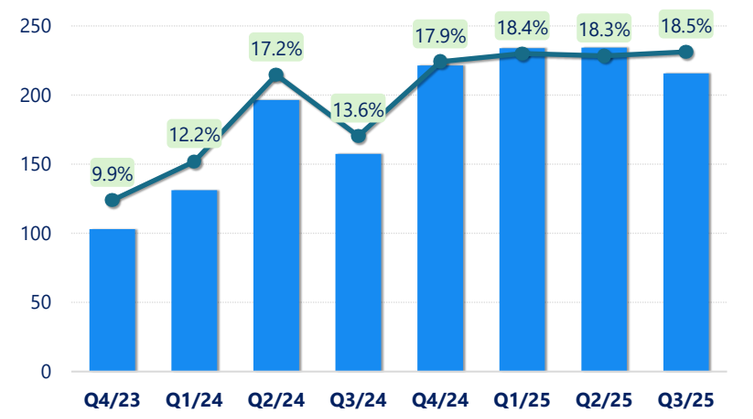
CTCP Dệt - May Nha Trang (UPCOM: NTT)

Tiền và tương đương tiền



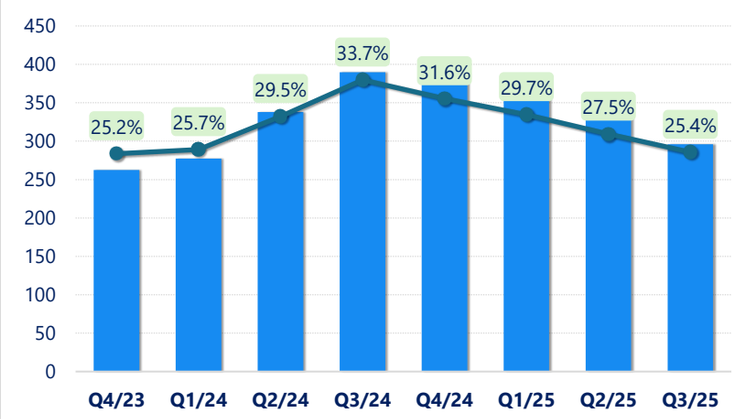
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



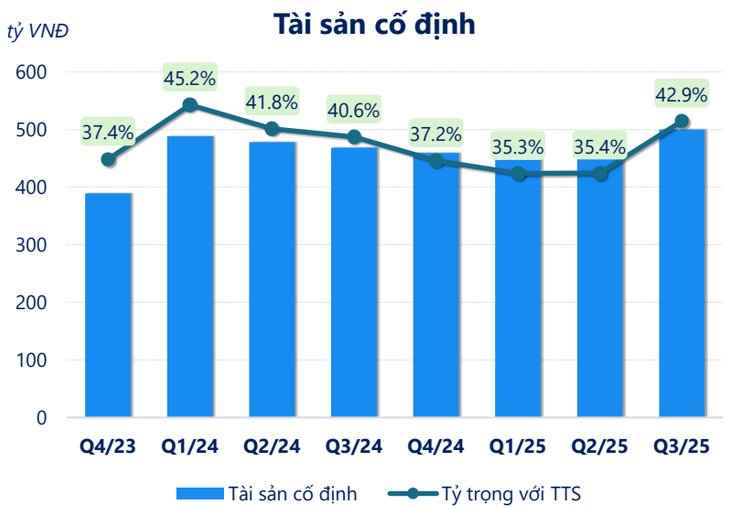
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



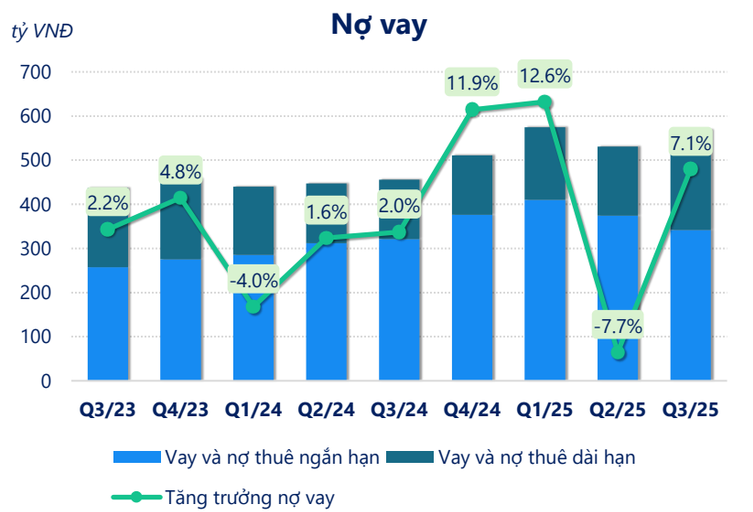
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



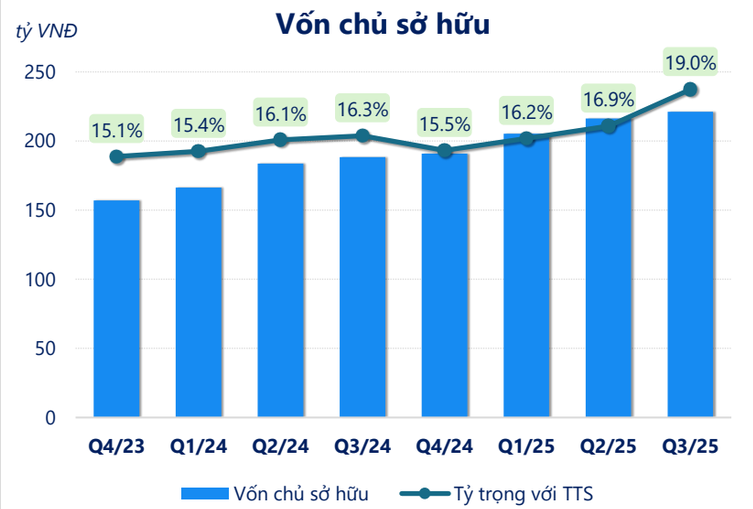
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

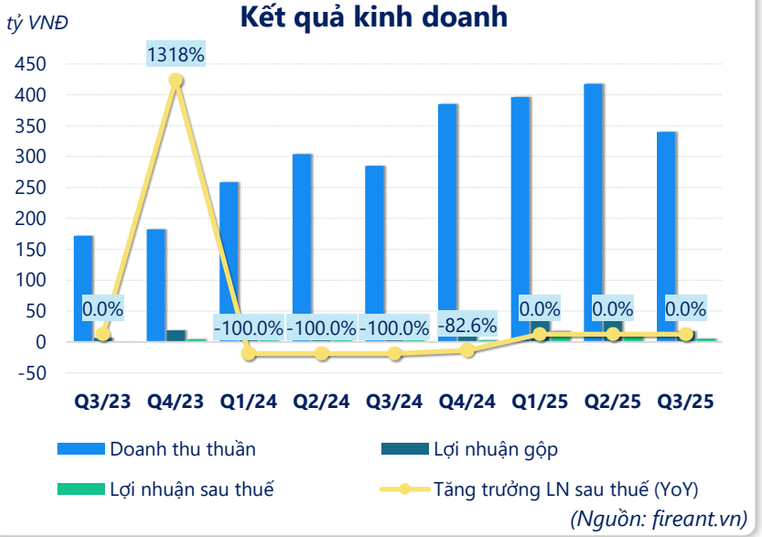
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

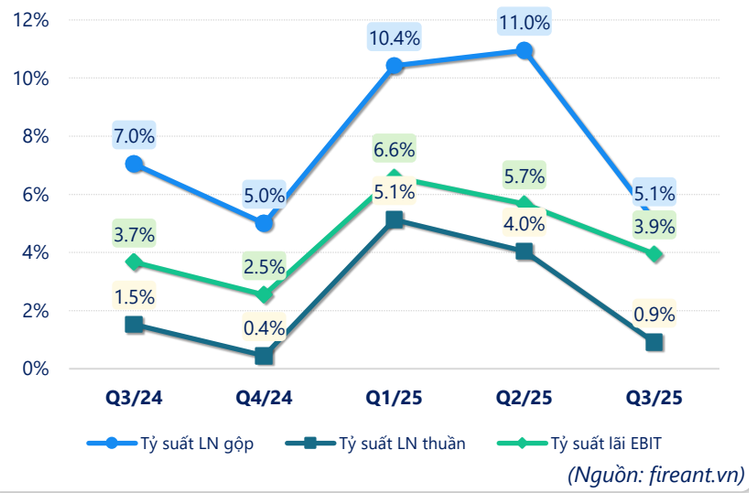
CTCP Dệt - May Nha Trang (UPCOM: NTT)

Kết quả kinh doanh



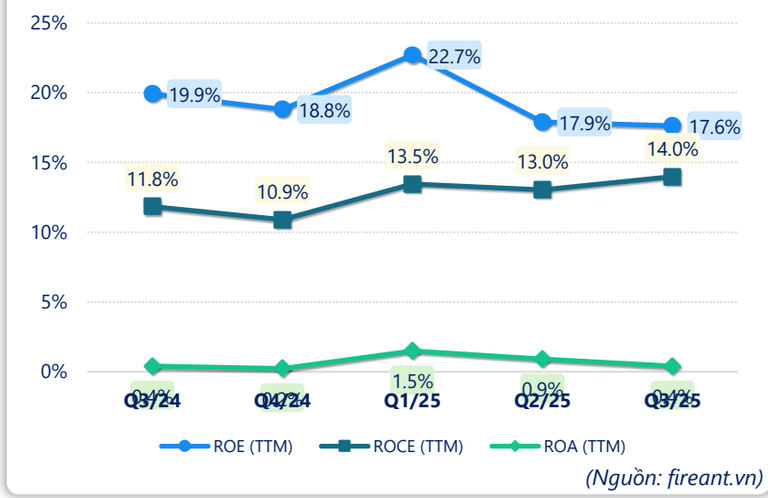
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



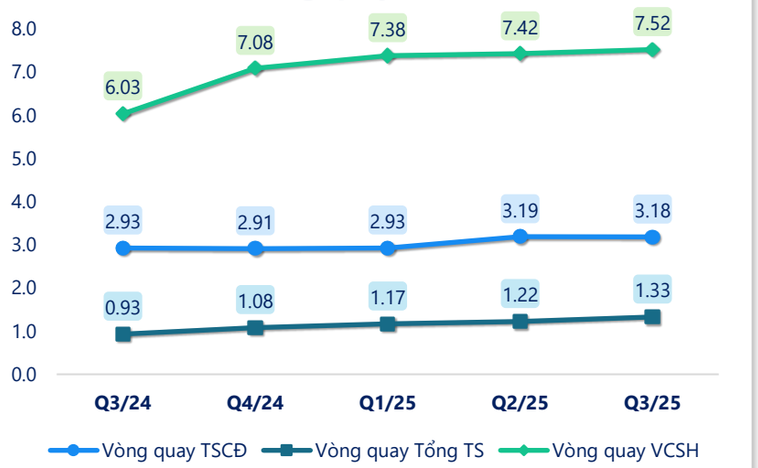
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



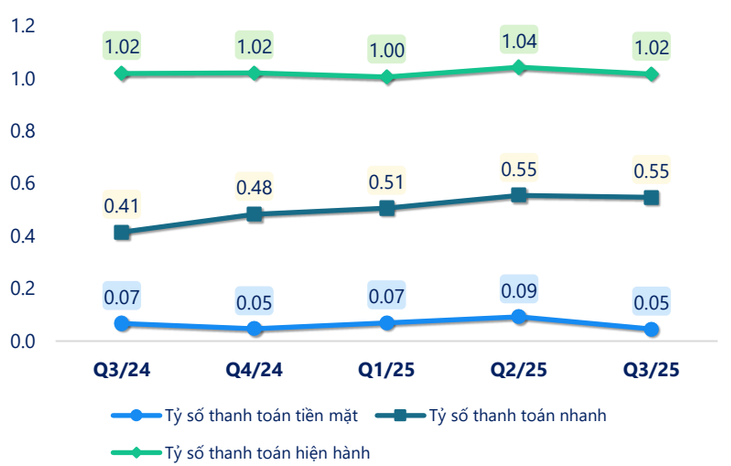
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



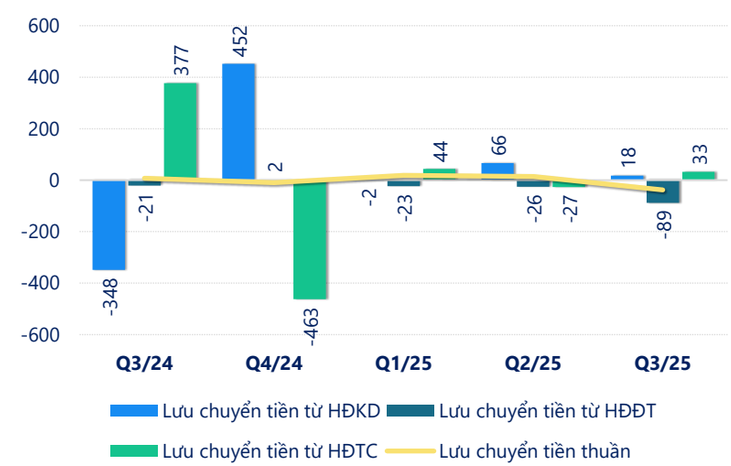
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Dệt - May Nha Trang (UPCOM: NTT)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,165**	**1,235**	**-5.6%**
Tài sản ngắn hạn	641	740	-13.4%
Tiền và tương đương tiền	28.9	34.1	-15.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	52.1	67.6	-22.9%
Phải thu ngắn hạn	216	222	-2.8%
Hàng tồn kho	296	390	-24.1%
Tài sản ngắn hạn khác	48.1	26.5	81.4%
Tài sản dài hạn	**525**	**495**	**6.0%**
Phải thu dài hạn	1.36	1.36	0.0%
Tài sản cố định	500	459	8.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.73	10.4	-35.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.22	1.22	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**15.7**	**23.3**	**-32.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	944	1,047	-9.8%
Nợ ngắn hạn	**631**	**728**	**-13.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	342	392	-12.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	202	292	-30.8%
Nợ dài hạn	314	319	-1.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	227	134	68.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**221**	**188**	**17.8%**
Vốn chủ sở hữu	**221**	**188**	**17.8%**
Vốn điều lệ	235	235	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	285	385	397	418	340
Giá vốn hàng bán	265	366	355	372	323
Lợi nhuận gộp	20.1	19.3	41.3	45.7	17.3
Doanh thu HĐTC	2.17	6.71	3.57	2.42	3.23
Chi phí TC	9.09	8.66	13.1	17.5	7.06
Chi phí lãi vay	5.90	6.77	6.99	6.76	7.23
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.95	10.3	6.09	8.18	5.24
Chi phí QLDN	4.85	5.33	5.34	5.60	5.13
LN thuần từ HĐKD	4.36	1.73	20.3	16.9	3.09
Lợi nhuận khác	0.19	1.29	-1.19	0.04	3.09
LN trước thuế	4.55	3.02	19.1	16.9	6.18
Lợi nhuận sau thuế	4.55	2.64	17.5	11.1	4.85
LNST của CĐ cty mẹ	4.55	2.64	17.5	11.1	4.85

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-348	452	-2.01	66.4	18.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-21.2	1.60	-23.0	-25.7	-88.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	377	-463	43.6	-26.6	32.7
Tiền đầu kỳ	35.6	43.3	34.1	52.7	66.8
Lưu chuyển tiền thuần	**7.86**	**-9.19**	**18.6**	**14.1**	**-37.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.12	0.07	0.00	0.04	0.01
Tiền cuối kỳ	43.3	34.2	52.7	66.8	28.9

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic